

Số/ No: 04466.2602-1/KQ-VTT
Mã số/ Code: KH.01138 2601
Mã số mẫu/ Sample code: PTN.03233 2601
Trang/ Page: 1/ 1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TESTING REPORT

Tên khách hàng/ Client : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**
Địa chỉ/ Address : **Số 05 Hải Dương, Phường Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk**
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **26/01/2026** Thời gian phân tích/ Time of analysis: **26-30/01/2026**
Ngày trả kết quả/ Date of issue : **02/02/2026**
Loại mẫu/ Kind of sample : **Nước sạch** Số lượng mẫu/ Quantity of sample: **2 lít x 1 can
500 mL x 1 chai**
Tên mẫu/ Name of sample : **Nước Bể chứa Nhà máy nước Sông Hinh**
Tình trạng mẫu / State of sample : **Đựng trong can nhựa và chai thủy tinh**

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT
1.	Mùi vị	SOP.01-436:2022 (Ref. TCVN 2653:1978, SMEWW 2150B, 2160B:2023)	Không có mùi, vị lạ	-
2.	Độ đục (*)	SMEWW 2130B:2023	Không phát hiện (LOD = 0,15)	NTU
3.	Màu sắc (*)	SMEWW 2120C:2023	Không phát hiện (LOD = 3)	TCU
4.	pH (*)	TCVN 6492:2011	7,05	-
5.	Coliforms (*)	ISO 9308-1:2014/Amd1:2016	< 1	CFU/100mL
6.	Escherichia coli (*)	ISO 9308-1:2014/Amd1:2016	< 1	CFU/100mL

Ghi chú/ Notes:

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.
Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.
Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.
LOD: Giới hạn phát hiện/ LOD: Limit of Detection.
LOQ: Giới hạn định lượng/ LOQ: Limit of Quantitation. Kết quả được biểu thị < 1, < 10 CFU/đơn vị tính khi không có khuẩn
lạc mọc trên đĩa/ The expression of results is less than 1 or less than 10 CFU/unit when the dish contains no colonies.
(*) : Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)
(s/c) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by subcontractor.

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

ThS. Huỳnh Ngọc Trưởng

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

ThS. Nguyễn Văn Tâm

Số/ No: 04468.2602-1/KQ-VTT
Mã số/ Code: KH.01138 2601
Mã số mẫu/ Sample code: PTN.03235 2601
Trang/ Page: 1/ 1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TESTING REPORT

Tên khách hàng/ Client : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**
Địa chỉ/ Address : **Số 05 Hải Dương, Phường Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk**
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **26/01/2026** Thời gian phân tích/ Time of analysis: **26-30/01/2026**
Ngày trả kết quả/ Date of issue : **02/02/2026**
Loại mẫu/ Kind of sample : **Nước sạch** Số lượng mẫu/ Quantity of sample: **2 lít x 1 can
500 mL x 1 chai**
Tên mẫu/ Name of sample : **Nước cuối mạng Nhà máy nước Sông Hình**
Tình trạng mẫu / State of sample : **Đựng trong can nhựa và chai thủy tinh**

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT
1.	Mùi vị	SOP.01-436:2022 (Ref. TCVN 2653:1978, SMEWW 2150B, 2160B:2023)	Không có mùi, vị lạ	-
2.	Độ đục (*)	SMEWW 2130B:2023	Không phát hiện (LOD = 0,15)	NTU
3.	Màu sắc (*)	SMEWW 2120C:2023	Không phát hiện (LOD = 3)	TCU
4.	pH (*)	TCVN 6492:2011	7,06	-
5.	Coliforms (*)	ISO 9308-1:2014/Amd1:2016	< 1	CFU/100mL
6.	Escherichia coli (*)	ISO 9308-1:2014/Amd1:2016	< 1	CFU/100mL

Ghi chú/ Notes:

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.
Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.
Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.
LOD: Giới hạn phát hiện/ LOD: Limit of Detection.
LOQ: Giới hạn định lượng / LOQ: Limit of Quantitation. Kết quả được biểu thị < 1, < 10 CFU/đơn vị tính khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ The expression of results is less than 1 or less than 10 CFU/unit when the dish contains no colonies.
(*) : Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)
(s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by subcontractor.

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

ThS. Huỳnh Ngọc Trưởng

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

ThS. Nguyễn Văn Tâm

Số/ No: 04467.2602-1/KQ-VTT
Mã số/ Code: KH.01138 2601
Mã số mẫu/ Sample code: PTN.03234 2601
Trang/ Page: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TESTING REPORT

Tên khách hàng/ Client : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**
Địa chỉ/ Address : **Số 05 Hải Dương, Phường Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk**
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **26/01/2026** Thời gian phân tích/ Time of analysis: **26-30/01/2026**
Ngày trả kết quả/ Date of issue : **02/02/2026**
Loại mẫu/ Kind of sample : **Nước sạch** Số lượng mẫu/ Quantity of sample: **2 lít x 1 can
500 mL x 1 chai**
Tên mẫu/ Name of sample : **Nước trên mạng Nhà máy nước Sông Hình**
Tình trạng mẫu / State of sample : **Đựng trong can nhựa và chai thủy tinh**

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT
1.	Mùi vị	SOP.01-436:2022 (Ref. TCVN 2653:1978, SMEWW 2150B, 2160B:2023)	Không có mùi, vị lạ	-
2.	Độ đục (*)	SMEWW 2130B:2023	Không phát hiện (LOD = 0,15)	NTU
3.	Màu sắc (*)	SMEWW 2120C:2023	Không phát hiện (LOD = 3)	TCU
4.	pH (*)	TCVN 6492:2011	7,09	-
5.	Coliforms (*)	ISO 9308-1:2014/Amd1:2016	< 1	CFU/100mL
6.	Escherichia coli (*)	ISO 9308-1:2014/Amd1:2016	< 1	CFU/100mL

Ghi chú/ Notes:

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.
Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.
Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.
LOD: Giới hạn phát hiện/ LOD: Limit of Detection.
LOQ: Giới hạn định lượng/ LOQ: Limit of Quantitation. Kết quả được biểu thị < 1, < 10 CFU/đơn vị tính khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ The expression of results is less than 1 or less than 10 CFU/unit when the dish contains no colonies.
(*) : Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)
(s/c) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by subcontractor.

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

ThS. Huỳnh Ngọc Trường



GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

ThS. Nguyễn Văn Tâm